

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm nhẹ hơn 2 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,321.88 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm. Ngành công nghệ thông tin và Bất động sản giao dịch tích cực nhất trong ngày hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Những cây nến gần đây đều có thân nến nhỏ và bóng nến, cho thấy sự giằng co của thị trường trong nhịp điều chỉnh; điểm tích cực là chỉ số vẫn đóng cửa trên SMA20. Tuy áp lực bán trong những phiên gần đây không lớn, nhưng tâm lý thị trường có vẻ bi quan khi các cây nến sau ngày càng đóng cửa thấp dần. Trong những phiên tới, VN-Index cần giao dịch với biên độ chặt chẽ hơn để hình thành nền giá tại 1,320.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30F2506 giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 21/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-2.05** điểm, đóng cửa tại **1321.88** điểm. HNX-Index **+0.05** điểm, đóng cửa tại **245.82** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.46)**, **FPT (+1.12)**, **VHM (+0.93)**, **HVN (+0.19)**, **MWG (+0.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.09)**, **BID (-0.60)**, **LPB (-0.54)**, **GAS (-0.51)**, **TPB (-0.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,977** tỷ đồng, giảm **-15.98%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,928 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 4.55 điểm. Thị trường có **196** mã tăng, **88** mã tham chiếu, **244** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-949.01** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VND (-154.59 tỷ)**, **SHB (-128.26 tỷ)**, **TPB (-120.08 tỷ)**, **VIC (-78.49 tỷ)**, **DBC (-75.00 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-41.57** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.38%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - FPT (+2.40%)** ([Link báo cáo](#))
 - VHM (+1.90%)** ([Link báo cáo](#))
 - PVS (+0.92%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.20%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VIC (+2.91%)**
 - HAH (+1.80%)** ([Link báo cáo](#))
 - BMP (+1.09%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.38%	-0.20%	-0.15%	-0.05%
1 tuần	-0.38%	0.10%	-0.32%	-0.63%
1 tháng	0.38%	-0.09%	2.59%	2.50%
3 tháng	-0.20%	4.18%	5.12%	4.59%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,321.88	245.82	99.32
% 1D	-0.15%	0.02%	0.16%
GTGD (tỷ VND)	14,977	666	544
%1D	-15.98%	-37.04%	0.53%
GDNN (tỷ VND)	-949.01	-41.57	-24.40

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCI	161.77 VND		-154.59
SIP	69.20 SHB		-128.26
NAB	58.87 TPB		-120.08
FPT	27.79 VIC		-78.49
HPG	25.39 DBC		-75.00

Thị trường thế giới

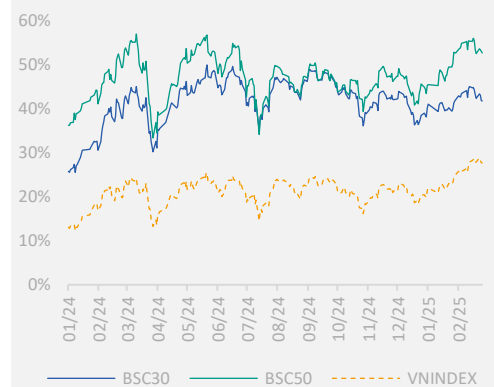
	%D	%W
SPX	-0.22%	2.56%
FTSE100	-0.42%	0.39%
Eurostoxx	-0.71%	0.47%
Shanghai	-1.29%	-1.60%
Nikkei	-0.20%	1.61%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	71.82	-0.61%
Giá vàng	3,030	-0.74%
Tỷ giá		
USD/VND	25,740	0.00%
EUR/VND	28,516	-0.51%
JPY/VND	176	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	0.00%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

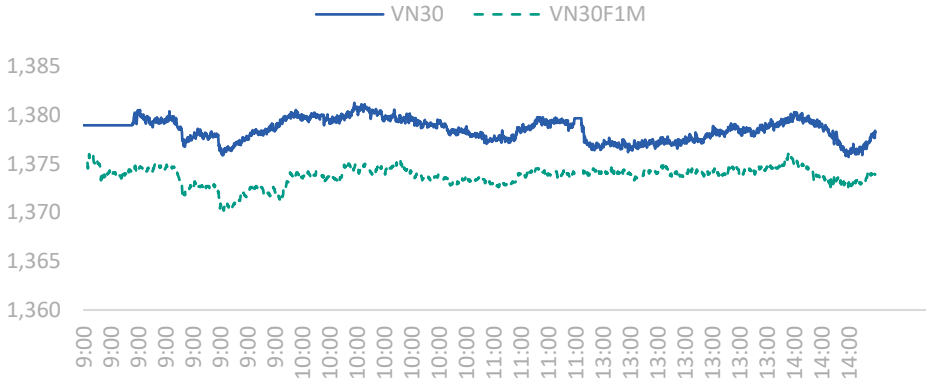
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1370.60	0.00%	52	-2%	9/18/2025	181
VN30F2504	1373.90	0.08%	140,468	280%	4/17/2025	27
VN30F2505	1373.00		85		5/15/2025	55
VN30F2506	1368.00	-0.21%	142	13%	6/19/2025	90

Nguồn: FiinproX, BSC Research
Nhận định

- VN30 -0.68 điểm, đóng cửa tại 1378.27 điểm. Biên độ dao động 5.57 điểm. Các cổ phiếu như LPB, ACB, TPB, VCB, STB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Lực cầu cuối phiên không đủ mạnh để kéo VN30 đóng cửa trên mức tham chiếu. Thanh khoản trong phiên hôm nay ghi nhận sự sụt giảm rõ rệt. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- VN30F2506 giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2404	3/28/2025	7	6,900	-87.33%	1.79	20	100.0%	3.24	1.87	14.75	14.75
CFPT2407	6/30/2025	101	28,400	-76.16%	15.87	590	43.9%	4.52	30.52	128.00	128.00
CFPT2402	7/28/2025	129	40,000	-75.22%	13.41	4,610	31.7%	28.90	31.72	128.00	128.00
CHPG2502	9/26/2025	189	9,100	-74.95%	2.75	1,350	20.5%	8.16	6.80	27.15	27.15
CFPT2501	7/28/2025	129	382,500	-84.69%	16.00	360	16.1%	11.23	19.60	128.00	128.00
CVHM2407	4/28/2025	38	134,700	-85.20%	4.90	540	14.9%	10.71	7.06	47.70	47.70
CVIC2406	3/28/2025	7	179,200	-80.80%	4.69	1,040	14.3%	9.36	9.89	51.50	51.50
CSHB2402	3/28/2025	7	239,900	-76.06%	1.13	840	13.5%	5.31	2.81	11.75	11.75
CMWG2506	6/30/2025	101	900	-86.28%	6.69	510	13.3%	17.77	8.22	59.90	59.90
CFPT2507	8/5/2025	137	65,100	-83.58%	15.50	690	13.1%	14.10	21.02	128.00	128.00
CSHB2403	6/30/2025	101	283,000	-76.06%	1.23	790	12.9%	5.27	2.81	11.75	11.75
CFPT2503	3/26/2026	370	551,800	-78.52%	18.00	950	11.8%	11.08	27.50	128.00	128.00
CMWG2501	6/26/2025	97	53,600	-81.72%	6.20	950	11.8%	10.76	10.95	59.90	59.90
CFPT2502	10/27/2025	220	894,300	-82.19%	17.00	580	11.5%	11.15	22.80	128.00	128.00
CVIC2404	4/28/2025	38	49,700	-72.70%	4.30	2,440	11.4%	11.81	14.06	51.50	51.50
CHDB2501	6/30/2025	101	11,900	-84.87%	2.48	500	11.1%	10.28	3.48	23.00	23.00
CFPT2404	11/4/2025	228	10,100	-55.47%	12.02	3,020	11.0%	7.81	57.00	128.00	128.00
CFPT2508	2/5/2026	321	157,000	-78.31%	16.00	1,470	10.5%	14.08	27.76	128.00	128.00
CVIC2407	6/30/2025	101	448,700	-77.18%	4.90	1,370	10.5%	9.33	11.75	51.50	51.50
CVHM2411	6/30/2025	101	201,000	-81.23%	5.06	780	9.9%	8.54	8.96	47.70	47.70

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 21/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2404 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CVIC2501 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.53%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CVHM2408, CMBB2505 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVIB2503, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	128.00	2.40%	2.73
VIC	53.00	2.91%	1.66
VHM	48.25	1.90%	0.89
MWG	60.30	0.50%	0.33
MBB	24.30	0.21%	0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research
Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	34.80	-2.11%	-1.96
ACB	26.10	-0.57%	-0.56
TPB	14.75	-2.96%	-0.54
VCB	66.00	-1.20%	-0.46
STB	38.65	-0.64%	-0.44

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	53.00	2.91%	1.46	3.82
FPT	128.00	2.40%	1.12	1.47
VHM	48.25	1.90%	0.93	4.11
HVN	28.80	1.23%	0.19	2.21
MWG	60.30	0.50%	0.11	1.46

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	66.00	-1.20%	-1.09	5.59
BID	39.45	-0.88%	-0.60	7.02
LPB	34.80	-2.11%	-0.54	2.99
GAS	67.70	-1.31%	-0.51	2.34
TPB	14.75	-2.96%	-0.29	2.64

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	73.80	4.98%	0.70	0.30
VIF	18.60	7.51%	0.31	0.35
NVB	12.90	2.38%	0.23	1.17
KSV	191.00	0.90%	0.22	0.20
VCS	59.10	2.07%	0.12	0.16

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	11.70	-2.50%	-0.18	0.96
HUT	15.90	-1.24%	-0.11	0.89
SHS	14.70	-1.34%	-0.10	0.81
CEO	15.00	-1.32%	-0.07	0.54
NTP	67.30	-1.03%	-0.06	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HQC	3.43	6.85%	0.03	16.31
LGL	3.30	6.80%	0.00	0.26
VAF	18.10	6.78%	0.01	0.00
SC5	19.30	6.63%	0.00	0.00
TNC	34.35	6.51%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

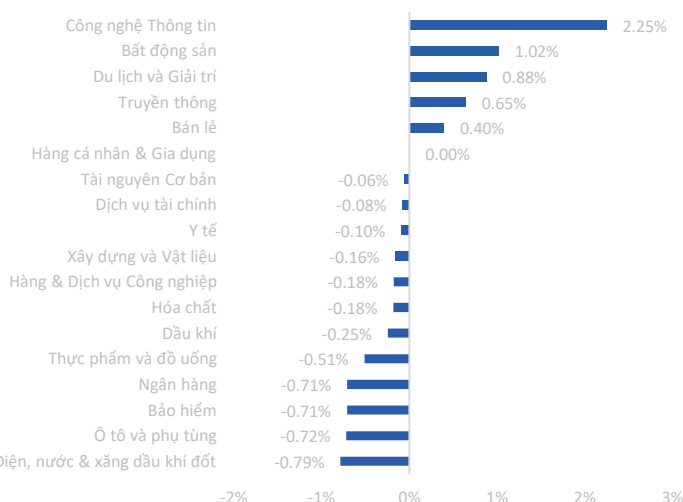
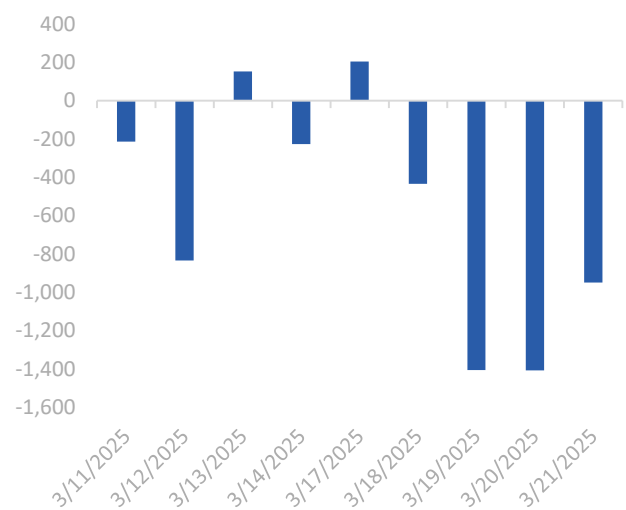
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ORS	11.45	-6.91%	-0.06	19.04
SMA	10.85	-6.87%	0.00	0.00
TCD	2.62	-6.43%	-0.01	3.98
VSI	18.20	-6.43%	0.00	0.00
L10	19.05	-6.16%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
AME	5.70	9.62%	0.12	0.01
BTS	5.80	9.43%	0.23	0.10
VC6	29.00	9.43%	0.09	0.00
CX8	9.50	9.20%	0.01	0.00
HAT	49.20	8.37%	0.04	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HCT	12.00	-9.77%	-0.01	0.00
MDC	14.00	-9.68%	-0.10	0.13
KST	12.20	-9.63%	-0.02	0.00
SDC	7.30	-8.75%	-0.01	0.00
PTD	7.30	-8.75%	-0.01	0.00

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.3	0.5%	1.4	87,689	262.7	2,544	23.6		46.0%	
KBC	Bất động sản	29.2	-1.5%	1.8	22,759	132.7	555	53.4		19.4%	
KDH	Bất động sản	32.4	0.0%	1.1	32,761	69.6	862	37.6		35.8%	
PDR	Bất động sản	20.3	0.5%	1.9	17,637	93.8	643	31.4	23,600	7.9%	Link
VHM	Bất động sản	48.3	1.9%	1.1	194,486	659.0	7,286	6.5	58,200	12.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	128.0	2.4%	1.0	183,884	820.2	5,371	23.3	163,000	43.5%	Link
BSR	Dầu khí	19.5	-0.5%	0.0	60,770	34.2	202	97.2		0.3%	
PVS	Dầu khí	33.0	0.9%	1.2	15,629	57.3	2,473	13.2	40,300	17.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	31.9	-0.6%	1.8	23,075	246.8	1,571	20.4		43.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.6	0.2%	1.6	52,088	573.4	1,536	17.3		38.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	39.1	-0.3%	1.8	28,149	503.7	1,537	25.5		28.7%	
DCM	Hóa chất	34.0	-0.7%	1.7	18,132	40.1	2,682	12.8	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	104.9	-1.4%	1.5	40,408	168.6	7,864	13.5	111,400	16.1%	Link
ACB	Ngân hàng	26.1	-0.6%	0.7	117,250	320.9	3,759	7.0		30.0%	
BID	Ngân hàng	39.5	-0.9%	0.9	279,450	95.3	3,571	11.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.7	0.1%	1.0	223,392	305.5	4,720	8.8		26.8%	
HDB	Ngân hàng	23.0	-0.4%	0.9	80,736	211.7	3,667	6.3		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.3	0.2%	0.9	147,980	442.8	3,729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.8	-0.4%	1.3	30,810	134.8	2,123	5.6	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	38.7	-0.6%	1.2	73,335	264.8	5,351	7.3		22.0%	
TCB	Ngân hàng	27.4	-0.4%	1.1	193,930	256.5	3,054	9.0	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.8	-3.0%	1.0	40,158	574.7	2,299	6.6	-	28.1%	Link
VCB	Ngân hàng	66.0	-1.2%	0.5	558,160	116.9	4,049	16.5		22.8%	
VIB	Ngân hàng	20.3	-0.5%	0.9	60,774	108.8	2,424	8.4		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.5	-0.5%	0.9	155,505	204.8	1,989	9.9	25,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.2	0.0%	1.2	173,658	603.7	1,879	14.5	37,500	21.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.7	-0.8%	1.6	11,085	62.4	935	19.1	22,700	8.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.8	-2.2%	1.9	9,839	140.5	2,712	10.8	31,000	6.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	67.9	-0.7%	1.4	98,383	258.7	1,345	50.9		25.4%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.3	-0.8%	0.5	129,159	236.7	4,494	13.8		50.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.3	0.64%	2.0	8,548	14.9	2,042	19.1	18.9%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	176.0	0.00%	1.0	23,979	29.7	2,331	75.5	33.1%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	52.5	-0.94%	1.0	39,343	20.8	2,809	18.9	26.6%	9.5%	
DIG	Bất động sản	20.2	-0.74%	1.5	12,410	154.6	172	118.2	4.1%	1.4%	
DXG	Bất động sản	16.6	-0.60%	1.6	14,500	121.3	350	47.6	20.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	26.7	0.00%	1.4	4,762	128.4	377	70.8	3.1%	3.1%	
HDG	Bất động sản	27.1	-1.09%	1.5	9,215	78.7	1,714	16.0	19.5%	9.4%	
IDC	Bất động sản	53.9	0.00%	1.2	17,787	28.0	6,050	8.9	20.9%	37.7%	
NLG	Bất động sản	34.3	-0.29%	1.6	13,247	85.2	1,346	25.6	38.4%	5.4%	
SIP	Bất động sản	90.1	0.11%	0.0	18,948	147.2	5,555	16.2	5.5%	29.5%	
SZC	Bất động sản	44.2	-0.11%	1.7	7,964	37.3	1,809	24.5	2.4%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	17.4	0.29%	1.8	11,560	90.8	1,466	11.8	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	53.0	2.91%	1.1	196,919	399.8	3,026	17.0	9.2%	9.3%	
VRE	Bất động sản	18.5	0.27%	1.3	41,811	181.1	1,802	10.2	17.9%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	41.5	0.85%	0.9	8,695	19.8	1,478	27.8	36.0%	11.4%	
PLX	Dầu khí	41.3	0.00%	1.0	52,475	48.6	2,275	18.2	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	23.3	0.00%	1.4	12,924	60.6	1,252	18.6	8.7%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.3	0.00%	2.1	15,388	80.9	1,869	26.9	30.0%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.9	0.00%	1.9	17,699	59.6	1,583	19.5	6.8%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.7	-1.31%	0.6	160,707	86.0	4,439	15.5	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.5	-3.11%	0.9	30,093	180.5	535	24.0	3.8%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.5	0.00%	1.0	33,677	36.4	4,237	16.9	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	96.6	0.42%	0.5	52,103	63.4	2,632	36.5	12.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.3	-2.52%	2.3	20,497	221.5	1,910	12.5	8.0%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.4	0.00%	1.0	24,959	35.4	4,629	12.8	41.8%	13.9%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.8	1.80%	1.6	6,055	117.7	4,658	10.7	10.6%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.3	-0.39%	1.3	9,043	22.9	3,071	8.3	11.9%	15.1%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	146.4	0.97%	0.0	17,659	48.4	3,144	46.1	6.5%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.6	-0.22%	0.8	30,344	22.6	6,305	14.2	48.4%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	40.3	0.25%	0.8	4,089	73.1	2,710	14.8	49.8%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.5	0.00%	1.1	2,636	9.2	2,575	8.4	16.0%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.5	-0.42%	1.5	13,931	53.3	1,518	23.5	9.0%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	34.6	0.14%	2.2	138,000	142.9	1,053	32.8	0.7%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	20.0	0.25%	1.0	37,161	159.8	1,786	11.2	3.9%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	34.8	-2.11%	0.8	106,198	89.2	3,254	10.9	0.9%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	17.3	-1.42%	0.0	23,211	257.2	2,702	6.5	1.6%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.0	-1.35%	1.0	27,494	301.7	1,287	8.7	19.6%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	0.00%	1.6	6,915	80.5	1,397	11.1	5.7%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.8	-2.05%	1.7	4,553	34.4	182	94.1	0.7%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.9	-0.45%	0.7	7,888	100.4	1,584	20.8	3.6%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.3	-0.59%	1.1	64,898	61.9	3,376	15.0	60.0%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	66.8	0.00%	1.3	14,993	22.9	5,496	12.2	25.3%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	120.8	1.09%	1.1	9,782	24.4	12,103	9.9	82.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	87.0	0.12%	1.5	8,684	88.9	3,734	23.3	48.7%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	106.0	0.00%	1.4	12,125	69.9	4,709	22.5	8.0%	28.0%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	49.1	0.51%	1.7	3,074	37.0	3,545	13.8	6.6%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	-0.80%	1.7	5,425	33.7	937	13.4	6.6%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.2	0.87%	1.6	8,226	35.5	1,287	17.9	15.7%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.0	-0.24%	1.9	12,570	124.7	1,579	13.3	6.2%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	51.7	-0.58%	1.8	23,314	29.6	2,464	21.1	5.8%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>